

Techcombank (HSX: TCB)
Analyst meeting: Cập nhật KQKD Q2/2026 và Kế hoạch 2026

Tóm tắt KQKD Q2/26: Lợi nhuận lập kỷ lục quý nhờ tín dụng và thu ngoài lãi bút tốc, chi phí dự phòng giảm mạnh; áp lực chính từ chi phí vốn tăng

Chỉ tiêu tài chính	Q2/2026	Q2/2025	% svck	Kế hoạch 2026	% Hoàn thành KH
Thu nhập lãi thuần	10,763	9,137	+17.8%		
Thu nhập ngoài lãi	4,179	3,606	+15.9%		
Tổng thu nhập hoạt động	14,942	12,743	+17.3%		
Chi phí hoạt động	(4,620)	(3,831)	+20.6%		
LN trước dự phòng	10,322	8,912	+15.8%		
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(652)	(1,014)	-35.7%		
LN trước thuế	9,670	7,899	+22.4%	37,500	49.4%
LN ròng	7,447	6,247	+19.2%		
Tăng trưởng tín dụng	9.7%	11.1%	-140 đcb	~ 15%*	
Tăng trưởng huy động	7.0%	2.5%	+450 đcb		
NIM	3.70%	3.79%	-9 đcb		
CIR	30.9%	30.1%	+80 đcb		
CASA	30.1%**	36.4%	-630 đcb		
NPL	1.08%	1.26%	-18 đcb	~ 1.15%***	
LLR	125.6%	106.5%	+1,910 đcb		
ROE	16.2%	14.5%	+170 đcb		
ROA	2.36%	2.19%	+17 đcb		

Nguồn: TCB, MBS Research.

(*) TCB công bố tăng trưởng tín dụng ~15% YTD gồm ~20 nghìn tỷ hạ tầng ngoài room.

(**) TCB công bố CASA 38.3% do bao gồm Auto earnings.

(***) TCB công bố NPL ~1.15%.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 9,670 tỷ đồng (+22.4% svck, +9.0% QoQ), mức cao nhất trong một quý 2 từ trước tới nay. Ban lãnh đạo nhấn mạnh đây là tăng trưởng đến từ chất lượng lợi nhuận, với credit cost thấp và bộ đệm dự phòng được củng cố; chi phí dự phòng giảm mạnh 35.7% svck xuống 652 tỷ đồng. Tín dụng tăng 9.7% YTD theo dư nợ khách hàng; nếu bao gồm ~20 nghìn tỷ tài trợ dự án hạ tầng quốc gia nằm ngoài room thì TTTD đạt ~15% YTD, cao hơn mức 11% cùng kỳ 2025. Sổ tín dụng đạt ~950 nghìn tỷ đồng. Cho vay không tài sản đảm bảo (unsecured) tăng ~40% YTD, mảng xây dựng doanh nghiệp tăng ~56% YTD nhờ dòng vốn hạ tầng; cơ cấu tín dụng dịch chuyển sang kỳ hạn ngắn.
- NIM quý đạt 3.70% theo mô hình, phục hồi từ 3.41% quý trước. Ban lãnh đạo cho biết NIM quý ~3.4% và TTM ~3.6%, nằm trong vùng mục tiêu 3.6-3.7% cả năm. Lợi suất tài sản cải thiện mạnh (lợi suất cho vay tăng từ 7.9% lên 8.9% QoQ) nhưng chi phí vốn cũng tăng lên 4.81% do cạnh tranh huy động, khiến NIM chịu áp lực hai chiều.
- Thu nhập ngoài lãi đạt 4,179 tỷ đồng (+15.9% svck). Phí dịch vụ thuần bút tốc, dẫn dắt bởi phí bảo hiểm (+137% svck nhờ ra mắt công ty con Techcom Life, đạt vị trí số 1 bancassurance với ~21% thị phần) và phí thanh toán/LC (+147% svck). Ngược lại, lãi thuần từ ngoại hối và vàng âm 69 tỷ

Thông tin cổ phiếu

Giá hiện tại (VND)	29,000
Cao nhất 52 tuần (VND)	37,000
Thấp nhất 52 tuần (VND)	26,500
Vốn hóa (Tỷ VND)	205,501
P/E (TTM)	7.55
P/B	1.15
Tỷ suất cổ tức (%)	0.00

Cơ cấu sở hữu

Masan & nhóm liên quan	14.90%
Masan Group	5.00%
Ban lãnh đạo & liên quan	4.9%
Cổ đông khác & nước ngoài	75.20%

Nguồn: FiinProX, MBS Research

Chuyên viên phân tích

Đinh Công Luyện

Luyen.dinhcong@mbs.com.vn

- đồng trong quý, kéo giảm một phần đà tăng của thu ngoài lãi. CIR quý ở mức 30.9% (6 tháng: 29.7%), nhích nhẹ do TCB tiếp tục đầu tư mở rộng nền tảng, nhân sự và marketing; ban lãnh đạo kỳ vọng ứng dụng AI sẽ cải thiện năng suất trong các quý tới.
- Chất lượng tài sản vững: NPL 1.08% (TCB công bố ~1.15%), gần như đi ngang QoQ; LLR 125.6%; tỷ lệ cho vay có TSDB duy trì 89%. Bảng cân đối vững với CAR ~15%, LDR về 80.1% (theo TCB) và tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn 27.8%, thấp hơn nhiều ngưỡng quy định. TCBS đạt PBT quý ~2.1 nghìn tỷ đồng (+21% svck, +44% QoQ) - kỷ lục quý; thị phần môi giới HSX kỷ lục 9.4%, phát hành trái phiếu số 1 với ~48%; 6 tháng hoàn thành 47% kế hoạch PBT năm.

Kế hoạch kinh doanh 2026: Duy trì tăng trưởng chất lượng cao, bảo vệ biên lãi và fortress balance sheet

Tăng trưởng tín dụng	Duy trì quanh mức của 2025, được hỗ trợ bởi tài trợ các dự án hạ tầng quốc gia (phần lớn nằm ngoài room tín dụng).
NIM & chi phí vốn	NIM giữ trong vùng 3.6-3.7% cả năm; CASA mục tiêu quay lại ~40% như 2025; chi phí vốn dự kiến tiếp tục tăng do cạnh tranh huy động.
Mục tiêu LNTT & chi số	LNTT hợp nhất mục tiêu 37,500 tỷ đồng cả năm; CIR/NPL/credit cost quanh mức 2025; tỷ lệ BDS/tổng tín dụng đưa về dưới 30% cuối năm; đã chi ~5 nghìn tỷ cổ tức tiền mặt.
Cổ tức & an toàn vốn	Đã chi ~5 nghìn tỷ đồng cổ tức tiền mặt trong kỳ, thuộc nhóm chi trả cao nhất thị trường; CAR duy trì ~15%, LDR 80.1%.

- 1. Triển vọng lãi suất, tỷ giá và thanh khoản hệ thống**

Ban lãnh đạo cho rằng NHNN sẽ ưu tiên đồng thời ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng, không đánh đổi giữa mục tiêu GDP (~10%) và ổn định. VND mất giá ~1.1-1.2% từ đầu năm, được hỗ trợ bởi chênh lệch lãi suất dương với USD; kỳ vọng môi trường tỷ giá - lãi suất tương đối ổn định trong 12-18 tháng tới. Dù trước đó kỳ vọng lãi suất huy động có thể giảm nửa cuối năm, TCB nay điều chỉnh quan điểm: lãi suất huy động nhiều khả năng nhích thêm ~30đcb đến cuối năm do thanh khoản hệ thống thắt chặt (tín dụng toàn ngành +8.5% vs huy động +5% trong 6 tháng) và nhu cầu vốn lớn cho hạ tầng.
- 2. Thị trường bất động sản và danh mục cho vay mua nhà**

Giá bất động sản sơ cấp tiếp tục tăng (+12% QoQ tại Hà Nội, +8% QoQ tại TP.HCM); TCB không ghi nhận cắt giảm giá tại các dự án được tài trợ. Giải ngân cho vay mua nhà mới giảm về 18.6 nghìn tỷ trong Q2 (từ 30.6 nghìn tỷ Q1), chủ yếu do thiếu vắng dự án lớn (blockbuster) và một số dự án gần hoàn thành, không phải do nhu cầu yếu. TCB kỳ vọng giải ngân quay lại ~30 nghìn tỷ/quý từ quý sau. Người mua nhà thận trọng hơn nhưng không rời thị trường; một số chủ đầu tư dùng chính sách ưu đãi để đẩy nhanh quyết định mua.
- 3. Chiến lược huy động vốn và nguồn vốn nước ngoài**

Chiến lược huy động vốn và nguồn vốn nước ngoài. Trước áp lực thanh khoản trong nước, TCB chủ động đa dạng hóa sang nguồn vốn bán buôn kỳ hạn dài và offshore khi chi phí cạnh tranh hơn huy động khách hàng.

Ngân hàng đã thu xếp gói 200 triệu USD từ Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB - tài trợ bền vững) và đang hoàn tất khoản vay hợp vốn ~1 tỷ USD với các ngân hàng nước ngoài. TCB duy trì vị thế huy động cân bằng giữa tiền gửi khách hàng (ngắn hạn) và vốn bán buôn kỳ hạn 3-4 năm nhằm khớp kỳ hạn tài sản.

4. Tác động của Thông tư 25 và ứng dụng AI

Tác động của Thông tư 25 (nới tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn): Việc nới lỏng chỉ tiêu MLT phản ánh nhận thức của cơ quan quản lý rằng chuẩn hiện tại còn thô sơ, và là bước đệm hướng tới khung Basel III (LCR, NSFR). TCB đánh giá đây là quyết định hợp lý, không làm tăng rủi ro cấu trúc của hệ thống. Đối với TCB, thay đổi này không ảnh hưởng đến quản trị thanh khoản vì ngân hàng đã áp dụng khung nội bộ theo Basel III, chặt chẽ hơn yêu cầu quy định.

Ứng dụng AI và tác động lên hiệu quả hoạt động: AI đang tạo cải thiện năng suất tới 50% ở mảng phát triển phần mềm và 30-40% ở năng suất đội ngũ quan hệ khách hàng. TCB đã đào tạo 100% nhân viên kỹ năng AI cốt lõi, xây nền tảng nội bộ X Studio với hơn 300 AI agent. Lợi ích thể hiện dần qua CIR giảm và TOI/nhân sự tăng (đã +20% trong năm), là cấu phần trong chiến lược 5 năm (gấp đôi khách hàng, gấp đôi thị phần doanh thu, gấp 4 lần TOI). Tại TCBS, thời gian phát triển sản phẩm giảm ~26%.

5. Tài trợ hạ tầng, VIFC và triển vọng TCBS

- (1) Tham gia tài trợ dự án hạ tầng và trung tâm tài chính quốc tế (VIFC): TCB áp dụng cùng tiêu chí thẩm định project finance cho các dự án hạ tầng lớn (mức độ rõ ràng về thực thi, tài trợ và khả năng monetize theo từng milestone).
- (2) Ngân hàng nhận định Việt Nam cần ~1.1 nghìn tỷ USD vốn hình thành trong 5 năm tới, trong đó ~200 tỷ USD phải huy động từ nước ngoài, và TCB tự định vị là cầu nối thông tin giữa nhà đầu tư quốc tế và cơ hội trong nước, coi VIFC là cơ hội bổ trợ hơn là cạnh tranh.
- (3) TCBS đặt mục tiêu doanh thu cả năm 2026 >13 nghìn tỷ đồng (+26%) và LNTT 7.5 nghìn tỷ (+18%); 6 tháng hoàn thành 47% kế hoạch LNTT, với kỳ vọng nửa cuối năm mạnh hơn theo quy luật mùa vụ.
- (4) Tỷ lệ margin lending/vốn chủ của TCBS còn thấp, tạo dư địa mở rộng dư nợ ký quỹ; mảng ngân hàng đầu tư và phân phối trái phiếu bán lẻ duy trì đà tăng mạnh trong nửa cuối năm.
- (5) TCB đã chi ~5 nghìn tỷ đồng cổ tức tiền mặt trong kỳ - thuộc nhóm chi trả cao nhất thị trường - trong khi vẫn duy trì CAR ~15%.

6. Cấu trúc hình thành nợ và dư nợ bất động sản

Ban lãnh đạo cho biết cấu trúc hình thành nợ (bucket 2 và NPL) đi ngang trong quý nhờ thu hồi và nâng nhóm bù đắp nợ mới phát sinh; chưa thấy tín hiệu áp lực chất lượng tài sản. Tỷ lệ BĐS/tổng tín dụng tăng tạm lên 32% trong Q2 nhưng mục tiêu đưa về dưới 30% cuối năm khi phân phối bớt cho nhà đầu tư/tổ chức.

Báo cáo tài chính

Báo cáo KQKD (tỷ đồng)	31/12/24	31/12/25	31/12/26	31/12/27	Tỷ số tài chính	31/12/24	31/12/25	31/12/26	31/12/27
Thu nhập lãi thuần	35,508	38,155	41,405	50,192	Tăng trưởng				
Lãi thuần từ Dịch vụ	8,042	8,772	11,998	14,445	Tổng tài sản	15.2%	21.8%	12.6%	17.6%
Lãi thuần từ vàng và ngoại hối	593	1,642	1,990	2,404	Cho vay và CK	25.6%	16.2%	11.1%	17.5%
Lãi thuần từ CKKD	81	52	50	66	Tiền gửi KH & GTCG	16.5%	22.2%	12.4%	17.7%
Lãi thuần từ CKĐT	2,359	2,846	2,061	1,903	LNTT	17.9%	16.9%	12.4%	18.8%
Lãi thuần từ HĐ khác	343	1,884	1,855	2,042					
Tổng thu nhập hoạt động	46,990	53,391	59,359	71,051	An toàn vốn				
Chi phí hoạt động	15,370	16,432	17,808	21,671	CAR	15.3%	14.6%	N/A	N/A
Chi phí DPRRTD	4,082	4,421	4,071	5,212	VCSH/Tổng tài sản	15.3%	15.1%	15.3%	15.5%
LNTT	27,538	32,538	37,480	44,169	Đòn bẩy tài chính	6.54	6.63	6.52	6.44
Chi phí thuế TNDN	5,778	6,584	7,674	9,041					
LNST	21,760	25,954	29,807	35,128	Chất lượng tài sản				
LN cổ đông thiểu số	(237)	(664)	(763)	(899)	Tỷ lệ Nợ nhóm 3-5	1.1%	1.1%	1.2%	1.1%
LNST cho Ngân hàng	21,523	25,290	29,044	34,229	Tỷ lệ nợ nhóm 2	0.7%	0.5%	0.7%	0.6%
					Tỷ lệ bao nợ xấu (LLR)	113.9%	128.1%	118.8%	123.8%
Cân đối kế toán (tỷ đồng)	31/12/24	31/12/25	31/12/26	31/12/27					
Tiền và tương đương tiền	3,385	4,361	4,057	3,955	Thanh khoản				
Tiền gửi tại NHNN	54,353	82,163	35,866	43,454	Tỷ số cho vay/tiền gửi (LDR)	91.5%	89.8%	95.5%	95.8%
Tiền gửi và cho vay các TCTD	84,590	114,958	173,219	213,149	TS thanh khoản/TTS	30.7%	29.5%	26.5%	26.9%
Chứng khoán kinh doanh (CKKD)	9,001	4,816	7,902	9,311	TS thanh khoản/tiền gửi KH	45.1%	45.8%	38.2%	38.1%
Phái sinh và các CCTC khác	-	-	-	-					
Hoạt động mua nợ	142	31	-	-	Khả năng sinh lợi				
Cho vay khách hàng	631,725	767,617	877,996	1,034,608	ROA	15.8%	16.5%	16.1%	16.2%
Dự phòng cho vay	(8,091)	(10,498)	(12,154)	(14,269)	ROE	2.4%	2.4%	2.4%	2.4%
Chứng khoán đầu tư	148,624	145,526	134,388	154,749	NIM	4.2%	3.7%	3.5%	3.7%
Đầu tư dài hạn khác	3,103	3,247	3,061	3,076	TN lãi thuần/Tổng TNHĐ	75.6%	71.5%	69.8%	70.6%
Tài sản cố định	12,467	12,123	13,171	13,840	Chi phí HĐ/Tổng TNHĐ (CIR)	32.7%	30.8%	30.0%	30.5%
BĐS đầu tư	-	-	-	-					
Tài sản Có khác	39,501	68,001	105,651	117,104	Định giá				
TỔNG TÀI SẢN	978,799	1,192,344	1,343,158	1,578,977	EPS cơ bản (VND)	3,037	3,569	4,099	4,830
					Giá trị sổ sách (VND)	20,521	23,996	28,095	32,925
Nợ NHNN, Chính phủ	12	4,324	4,324	4,324	P/E	9.5x	8.1x	7.1x	6.0x
Tiền gửi, vay các TCTD khác	132,239	144,983	217,085	282,448	P/B	1.4x	1.2x	1.0x	0.9x
Tiền gửi của khách hàng	533,392	618,912	708,716	828,724					
Phái sinh và các CCTC khác	931	2,417	2,417	2,417					
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	-	-	-	-					
Phát hành giấy tờ có giá	140,422	215,330	175,599	186,229					
Các khoản nợ khác	23,862	26,877	25,710	30,400					
NỢ PHẢI TRẢ	830,859	1,012,843	1,133,851	1,334,543					
VỐN CHỦ SỞ HỮU	147,940	179,501	209,307	244,434					
Vốn điều lệ	70,649	70,862	70,862	70,862					
Thặng dư vốn cổ phần	(0)	(0)	(0)	(0)					
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-					
Vốn khác	7,764	7,764	7,764	7,764					
Quỹ của TCTD	24,785	28,645	30,967	33,704					
LN chưa phân phối	42,222	62,774	89,494	120,985					
Lợi ích CĐ không kiểm soát	2,520	9,457	10,220	11,119					
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	978,799	1,192,344	1,343,158	1,578,977					

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:
Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội
Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CTCP CHỨNG KHOÁN MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu Trần Thị Khánh Hiền	Trưởng phòng Nguyễn Tiến Dũng	
Vĩ mô & Chiến lược thị trường Ngô Quốc Hưng Nghiêm Phú Cường Đình Hà Anh Vũ Lê Giang	Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính Đinh Công Luyện Phạm Thị Thanh Hường	Bất động sản Nguyễn Minh Đức Lê Hải Thành
Logistic – Vật liệu cơ bản Võ Đức Anh	Công nghiệp – Năng Lượng Nguyễn Hà Đức Tùng Mai Duy Anh	Dịch vụ - Tiêu dùng Nguyễn Quỳnh Ly